

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 897/QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 02 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt) | : Kỹ thuật hình ảnh y học |
| 2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh) | : Medical Imaging Technology |
| 3. Trình độ đào tạo | : Đại học |
| 4. Định hướng đào tạo | : Nghề nghiệp |
| 5. Mã ngành đào tạo | : 7720602 |
| 6. Thời gian đào tạo | : 4 năm |
| 7. Loại hình đào tạo | : Chính quy tập trung |

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học có ý thức; có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành Hình ảnh y học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

• Kiến thức

PO.01. Trang bị cho người học các kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin và khung năng lực số góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp.

PO.02. Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về cơ sở khối ngành, cơ sở ngành để vận dụng trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.

PO.03. Giúp người học vận dụng kiến thức chuyên ngành và kiến thức tự chọn của ngành kỹ thuật hình ảnh y học trong xây dựng, tổ chức và thực hành nghề nghiệp.

• Kỹ năng

PO.04. Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh phù hợp với những tình huống khác nhau.

PO.05. Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức về chẩn đoán hình ảnh, tự phát triển chuyên môn liên tục.

PO.06. Có kỹ năng tư duy hệ thống, giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác liên ngành.

PO.07. Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp một cách an toàn và hiệu quả.

• Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO.08. Hình thành tinh thần tự chủ và trách nhiệm để không ngừng hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phát triển nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	
PLO1	Vận dụng được các kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và khung năng lực số góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp.	IV

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI1.1.	Vận dụng các kiến thức về Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.	IV
PI1.2.	Có chứng chỉ giáo dục Quốc phòng - An ninh, vận dụng được các kiến thức về Quốc phòng - An ninh để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	IV
PI1.3.	Có chứng chỉ giáo dục thể chất và có sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.	IV
PI1.4.	Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 (đối với trình độ đại học) hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quy định chung của Đại học Huế.	IV
PI1.5.	Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và khung năng lực số từ cơ bản đến chuyên sâu theo quy định của Bộ GD&ĐT.	IV
1.2	Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo và nhóm ngành	
PLO2	Áp dụng được các kiến thức nền tảng về cơ sở khối ngành, cơ sở ngành để vận dụng trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.	III
PI2.1.	Ứng dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, nghiên cứu khoa học, tâm lý y học - đạo đức y học trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.	III
PI2.2.	Áp dụng được các kiến thức về y học cơ sở, bệnh học Nội khoa và Ngoại khoa trong việc giải quyết các vấn đề thuộc ngành kỹ thuật hình ảnh y học.	III
1.3	Kiến thức chuyên ngành và tự chọn	
PLO3	Hiểu và áp dụng được các kiến thức chuyên ngành kỹ thuật hình ảnh y học trong thực hành nghề nghiệp.	III, IV
PI3.1.	Giải thích tóm tắt được những kiến thức về nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học, các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh trong y học.	III
PI3.2.	Nhận định và giải thích được bất thường hình ảnh dựa trên kiến thức về giải phẫu X quang thường quy, hình ảnh cắt lớp và các triệu chứng học hình ảnh cơ bản.	III
PI3.3.	Hiểu, vận hành các trang thiết bị X quang, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ, siêu âm, y học hạt nhân và xạ trị, điện quang can thiệp, an toàn bức xạ.	IV
PI3.4.	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về Cấp cứu đa khoa, Nội soi cơ bản.	III
PLO4	Hiểu và áp dụng được các kiến thức tự chọn của ngành kỹ thuật hình ảnh y học trong xây dựng, tổ chức và thực hành nghề nghiệp.	III
PI4.1.	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về y học hạt nhân và xạ trị, tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh.	III
PI4.2.	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về bảo quản máy, điện quang can thiệp.	III
1.4	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp	
PLO5	Vận dụng được kiến thức thực tập và tốt nghiệp trong các hoạt động chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh và nghiên cứu khoa học.	III

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI5.1.	Áp dụng các kiến thức Thực hành bệnh viện, Thực tế nghề nghiệp trong xử lý vấn đề và thực hiện chức năng nghề nghiệp một cách độc lập.	III
PI5.2.	Áp dụng các kiến thức tốt nghiệp tổng hợp trong các hoạt động chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh và nghiên cứu khoa học.	III
2.	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề	
PLO6	Đưa ra quyết định chăm sóc và giải quyết vấn đề dựa trên nhận định, phân tích, và phản biện phù hợp sức khỏe của từng bệnh lý.	III
PI6.1.	Thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh hằng ngày với khả năng tư duy phản biện có hệ thống phù hợp trong những tình huống khác nhau.	III
PI6.2.	Giải quyết vấn đề và sử dụng các can thiệp thay thế phù hợp với những điều kiện môi trường, con người thay đổi.	III
2.2	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	
PLO7	Ứng dụng được kiến thức nghiên cứu khoa học vào trong học tập, thực hành kỹ thuật hình ảnh.	III, IV
PI7.1.	Giải thích được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng trong thực hành kỹ thuật hình ảnh.	III
PI7.2.	Thực hiện được nghiên cứu khoa học và áp dụng các bằng chứng khoa học vào công tác chăm sóc, thực hành kỹ thuật hình ảnh.	IV
PI7.3.	Tham gia xây dựng chương trình, lập kế hoạch tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho đồng nghiệp.	III
PI7.4.	Tham gia đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng kỹ thuật thích ứng với môi trường làm việc.	III
2.3	Kỹ năng tư duy hệ thống	
PLO8	Giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, hợp tác liên ngành.	IV
PI8.1.	Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa các cá nhân và các nhóm liên ngành.	IV
PI8.2.	Làm việc độc lập, thực hiện tốt y lệnh, làm việc nhóm hiệu quả với các thành viên khác trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.	IV
PI8.3.	Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông, phương tiện nghe nhìn trong giao tiếp và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh, cộng đồng.	IV
2.4	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO9	Xây dựng kế hoạch, tổ chức, tham gia thực hiện các công việc liên quan đến công tác thực hành nghề nghiệp một cách an toàn, hiệu quả.	III
PI9.1.	Tiến hành các kỹ thuật thông thường và các kỹ thuật X quang có dùng thuốc cản quang, cắt lớp trên máy chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ.	III
PI9.2.	Phân tích được chất lượng hình ảnh và phát hiện các bất thường trên hình ảnh/phim.	III
PI9.3.	Thực hiện được quy trình chuẩn bị bệnh nhân, chuẩn bị phương tiện dụng cụ trong một số kỹ thuật điện quang can thiệp cơ bản, các kỹ thuật cơ bản trong y học hạt nhân và xạ trị.	III
PI9.4.	Tham gia tổ chức và quản lý được một khoa chẩn đoán hình ảnh	III

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
	theo quy định.	
PI9.5.	Tham gia đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng.	III
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO10	Thực hành nghề nghiệp với tinh thần tự chủ, trách nhiệm cá nhân, có đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp và hành nghề theo pháp luật.	III
PI10.1.	Thể hiện tinh thần phục vụ, trách nhiệm công dân và khả năng thích nghi với môi trường học tập và làm việc đa dạng.	III
PI10.2.	Tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy tắc an toàn trong môi trường lao động, chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng trong thực hành chăm sóc.	III
PI10.3.	Chịu trách nhiệm đến các quyết định và kết quả liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho người bệnh, gia đình, và cộng đồng.	III
PI10.4.	Thể hiện năng lực tự học, học tập liên tục, suốt đời để duy trì, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, và tham gia các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp, đóng góp vào việc nâng cao vai trò và vị thế của ngành chẩn đoán hình ảnh.	III

Ghi chú:

Trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 2001)	Mô tả
I	Nhớ	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
II	Hiểu	Có hiểu biết/có thể tham gia
III	Vận dụng	Có khả năng vận dụng
IV	Phân tích	Có khả năng phân tích
V	Đánh giá	Có khả năng đánh giá
VI	Sáng tạo	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)**3.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)**

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

3.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ

thống tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
I		Kiến thức giáo dục đại cương	32	29	3
		1.1. Các môn chung:	22	22	0
1	101.DHY.1.00.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học	2	2	0
2	101.DHF.1.00.07	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7	7	0
3	101.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
4	101.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
5	101.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
6	101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
7	101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8	602.DHF.1.01.3	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2	0
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	10	7	3
9	602.KCB.2.03.3	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng - Thông kê y học	3	2	1
10	602.KCB.2.01.3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3	2	1
11	602.KCB.2.02.2	Sinh học tế bào và Di truyền	2	1	1
12	602.YCC.2.01.2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0
III		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	105	49	56
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	23	15	8
13	602.GPH.3.01.3	Giải phẫu	3	2	1
14	602.SLY.3.01.2	Sinh lý	2	1	1
15	602.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	1	1
16	602.GPB.3.01.3	Giải phẫu bệnh - Mô phôi	3	2	1
17	602.DLY.3.01.2	Dược lý	2	1	1
18	602.SHY.3.01.2	Hóa sinh	2	1	1
19	602.YCC.3.02.3	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học	3	3	0
20	602.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
21	602.NOI.3.01.2	Bệnh học Nội khoa và Ngoại khoa	2	2	0
22	602.YCC.3.03.2	Nghiên cứu khoa học	2	1	1
		2.2. Kiến thức ngành:	71	30	41
23	602.CDH.4.01.3	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	3	2	1
24	602.CDH.4.02.4	Giải phẫu X-quang thường quy	4	2	2
25	602.CDH.4.03.2	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 1	2	1	1
26	602.CDH.4.04.2	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 2	2	1	1

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
27	602.CDH.4.05.4	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 1	4	2	2
28	602.CDH.4.06.2	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	2	1	1
29	602.CDH.4.07.3	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp	3	2	1
30	602.CDH.4.08.3	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	3	2	1
31	602.CDH.4.09.4	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	4	2	2
32	602.CDH.4.10.3	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1	3	2	1
33	602.CDH.4.11.3	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2	3	2	1
34	602.UBU.4.01.2	Y học hạt nhân và xạ trị 1	2	1	1
35	602.CDH.4.12.2	Kỹ thuật siêu âm 1	2	1	1
36	602.CDH.4.13.2	Kỹ thuật siêu âm 2	2	1	1
37	602.CDH.4.14.2	An toàn bức xạ	2	1	1
38	602.CDH.4.15.2	Triệu chứng học hình ảnh	2	1	1
39	602.CDH.4.16.2	Điện quang can thiệp 1	2	1	1
40	602.CDH.4.17.2	Điện quang can thiệp 2	2	1	1
41	602.CDH.4.18.2	Thực hành bệnh viện 1	2	0	2
42	602.CDH.4.19.2	Thực hành bệnh viện 2	2	0	2
43	602.CDH.4.20.2	Thực hành bệnh viện 3	2	0	2
44	602.CDH.4.21.2	Thực hành bệnh viện 4	2	0	2
45	602.CDH.4.22.2	Thực hành bệnh viện 5	2	0	2
46	602.CDH.4.23.2	Thực hành bệnh viện 6	2	0	2
47	602.CDH.4.24.2	Thực tế nghề nghiệp 1	2	0	2
48	602.CDH.4.25.2	Thực tế nghề nghiệp 2	2	0	2
49	602.CDH.4.26.2	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật 1	2	1	1
50	602.CCK.4.01.2	Cấp cứu đa khoa	2	1	1
51	602.NOI.4.02.2	Nội soi cơ bản	2	1	1
52	602.YGD.4.01.2	Giáo dục liên ngành	2	1	1
		2.3. Kiến thức tự chọn: SV chọn 4/8 tín chỉ, 2/4 học phần	4	2	2
53	602.UBU.5.02.2	Y học hạt nhân và xạ trị 2	2	1	1
54	602.CDH.5.27.2	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	2	2	0
55	602.CDH.5.28.2	Bảo quản máy	2	1	1
56	602.CDH.5.29.2	Điện quang can thiệp 3	2	1	1
		2.4. Dự án học thuật và tốt nghiệp	7	2	5
		2.4.1. Dự án học thuật	3	0	3
57	602.CDH.4.30.3	Đề tài khoa học	3	0	3
		2.4.2. Tốt nghiệp	4	2	2
58	602.PDH.4.01.2	Lý thuyết	2	2	0
59	602.PDH.4.02.2	Thực hành	2	0	2
TỔNG CỘNG			137	78	59
IV		Các học phần thay thế			
1	602.CDH.5.31.2	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 2	2	1	1

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
2	602.CDH.5.32.2	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật 2	2	1	1
3	602.CDH.5.33.2	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 3	2	1	1
4	602.CDH.5.34.2	Y học hạt nhân và xạ trị 3	2	1	1
5	602.CDH.5.35.2	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 3	2	1	1

Ghi chú: Trong 137 tín chỉ có 07 tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên và 02 tín chỉ Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học không tính vào trung bình chung học tập.

6. Cách thức đánh giá

Căn cứ Phụ lục 1 Quy định kiểm tra, đánh giá học phần ban hành kèm theo Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

7. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra

Stt	Năm học	Chuẩn đầu ra	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM
		Học phần	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	PLO10
I		Kiến thức giáo dục đại cương										
		1.1. Các môn chung:										
1	1	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học	X							X	X	X
2	1	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	X							X	X	X
3	1	Triết học Mác - Lênin	X							X	X	X
4	1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X									X
5	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X							X	X	X
6	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X									X
7	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							X	X	X
8	2	Tiếng Anh chuyên ngành		X						X	X	X
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:										
9	1	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng - Thống kê y học	X	X			X		X	X		X
10	1	Hóa học và Vật lý - Lý sinh		X					X	X		X
11	1	Sinh học tế bào và Di truyền		X								X
12	1	Tâm lý y học - Đạo đức y học		X				X	X			X

Stt	Năm học	Chuẩn đầu ra	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM
		Học phần	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	PLO10
III		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:										
13	1	Giải phẫu		X					X			X
14	1	Sinh lý		X			X	X			X	X
15	2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		X				X				X
16	1	Giải phẫu bệnh - Mô phôi		X						X		X
17	2	Dược lý		X					X			X
18	2	Hóa sinh		X								X
19	1	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học		X	X		X		X	X		X
20	2	Điều dưỡng cơ bản		X				X		X		X
21	2	Bệnh học Nội khoa và Ngoại khoa		X				X		X		X
22	3	Nghiên cứu khoa học					X		X			X
		2.2. Kiến thức ngành:										
23	2	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học			X				X			X
24	2	Giải phẫu X-quang thường quy			X			X	X	X		X
25	2	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 1			X			X		X	X	X
26	3	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 2			X			X		X	X	X
27	3	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 1		X	X		X	X	X	X	X	X
28	2	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh			X				X			X
29	2	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp			X		X	X		X	X	X
30	3	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1		X	X			X	X	X	X	X
31	3	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2			X			X	X	X	X	X
32	3	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1			X			X		X	X	X
33	4	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2			X	X	X	X	X	X	X	X
34	3	Y học hạt nhân và xạ trị 1	X		X	X	X		X	X		X
35	2	Kỹ thuật siêu âm 1		X	X					X	X	
36	3	Kỹ thuật siêu âm 2		X	X		X	X	X	X	X	X
37	2	An toàn bức xạ			X						X	X
38	3	Triệu chứng học hình ảnh			X			X		X	X	
39	3	Điện quang can thiệp 1			X			X		X	X	X
40	4	Điện quang can thiệp 2			X			X		X	X	X
41	3	Thực hành bệnh viện 1		X	X		X		X	X	X	X
42	3	Thực hành bệnh viện 2		X	X		X	X	X	X	X	X

Stt	Năm học	Chuẩn đầu ra	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM
		Học phần	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	PLO10
43	4	Thực hành bệnh viện 3			X	X	X	X	X	X	X	X
44	4	Thực hành bệnh viện 4			X		X	X		X	X	X
45	4	Thực hành bệnh viện 5			X		X	X		X	X	X
46	4	Thực hành bệnh viện 6			X			X	X	X	X	X
47	4	Thực tế nghề nghiệp 1			X	X	X		X	X	X	
48	4	Thực tế nghề nghiệp 2			X	X	X		X	X	X	
49	4	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật 1			X		X	X	X	X	X	X
50	3	Cấp cứu đa khoa		X			X		X	X		X
51	3	Nội soi cơ bản			X			X		X	X	X
52	3	Giáo dục liên ngành			X					X		X
		2.3. Kiến thức tự chọn: SV chọn 4/8 tín chỉ, 2/4 học phần										
53	4	Y học hạt nhân và xạ trị 2	X	X	X	X		X	X			X
54	4	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh				X				X	X	X
55	4	Bảo quản máy				X		X	X	X	X	X
56	4	Điện quang can thiệp 3			X			X		X	X	X
		2.4. Dự án học thuật và tốt nghiệp										
		2.4.1. Dự án học thuật										
57	3	Đề tài khoa học					X	X	X	X	X	X
		2.4.2. Tốt nghiệp										
58	4	Lý thuyết						X	X	X	X	X
59	4	Thực hành						X	X	X	X	X
IV		Các học phần thay thế										
1		Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 2			X		X	X	X	X	X	X
2		Kỹ thuật hình ảnh cập nhật 2			X		X	X	X	X	X	X
3		Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 3			X			X		X	X	X
4		Y học hạt nhân và xạ trị 3	X	X			X	X		X		X
5		Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 3			X	X	X	X	X	X	X	

8. Kế hoạch đào tạo

TT	Tên môn học/ học phần	TSTC	H K 1	H K 2	H K 3	H K 4	H K 5	H K 6	H K 7	H K 8
I	Kiến thức giáo dục đại cương									
	1.1. Các môn chung:									
1	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học	2	X							
2	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực	7	X	X	X					

TT	Tên môn học/ học phần	TSTC	H K 1	H K 2	H K 3	H K 4	H K 5	H K 6	H K 7	H K 8
	Ngoại ngữ không chuyên									
3	Triết học Mác - Lênin	3	X							
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		X						
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		X						
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				X				
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			X					
8	Tiếng Anh chuyên ngành	2				X				
	1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	10								
9	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng - Thống kê y học	3	X							
10	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3		X						
11	Sinh học tế bào và Di truyền	2	X							
12	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	X							
III	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	105								
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	23								
13	Giải phẫu	3	X							
14	Sinh lý	2		X						
15	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2			X					
16	Giải phẫu bệnh - Mô phôi	3		X						
17	Dược lý	2				X				
18	Hóa sinh	2			X					
19	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học	3		X						
20	Điều dưỡng cơ bản	2			X					
21	Bệnh học Nội khoa và Ngoại khoa	2			X					
22	Nghiên cứu khoa học	2					X			
	2.2. Kiến thức ngành:	71								
23	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	3			X					
24	Giải phẫu X-quang thường quy	4			X					
25	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 1	2				X				
26	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 2	2					X			
27	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 1	4					X			
28	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	2				X				
29	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp	3					X			
30	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	3					X			
31	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	4						X		
32	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1	3						X		
33	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2	3							X	
34	Y học hạt nhân và xạ trị 1	2						X		
35	Kỹ thuật siêu âm 1	2				X				
36	Kỹ thuật siêu âm 2	2						X		
37	An toàn bức xạ	2				X				
38	Triệu chứng học hình ảnh	2					X			
39	Điện quang can thiệp 1	2						X		
40	Điện quang can thiệp 2	2							X	
41	Thực hành bệnh viện 1	2						X		

TT	Tên môn học/ học phần	TSTC	H K 1	H K 2	H K 3	H K 4	H K 5	H K 6	H K 7	H K 8
42	Thực hành bệnh viện 2	2						X		
43	Thực hành bệnh viện 3	2							X	
44	Thực hành bệnh viện 4	2							X	
45	Thực hành bệnh viện 5	2								X
46	Thực hành bệnh viện 6	2								X
47	Thực tế nghề nghiệp 1	2								X
48	Thực tế nghề nghiệp 2	2								X
49	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật 1	2							X	
50	Cấp cứu đa khoa	2				X				
51	Nội soi cơ bản	2					X			
52	Giáo dục liên ngành	2						X		
	2.3. Kiến thức tự chọn: SV chọn 4/8 tín chỉ, 2/4 học phần	4								
53	Y học hạt nhân và xạ trị 2	2							X	
54	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	2							X	
55	Bảo quản máy	2							X	
56	Điện quang can thiệp 3	2							X	
	2.4. Dự án học thuật và tốt nghiệp	7								
	2.4.1. Dự án học thuật	3								
57	Đề tài khoa học	3							X	
	2.4.2. Tốt nghiệp	4								
58	Lý thuyết	2								X
59	Thực hành	2								X

9. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn
1	Phan Thị Thanh Hương	BM CĐHA
2	Hoàng Ngọc Thành	BM CĐHA
3	Trần Thị Sông Hương	BM CĐHA
4	Hà Thị Hiền	BM CĐHA
5	Hoàng Thị Ngọc Hà	BM CĐHA
6	Lê Minh Tuấn	BM CĐHA
7	Nguyễn Công Quỳnh	BM CĐHA
8	Nguyễn Anh Tuấn	BM CĐHA
9	Lê Văn Ngọc Cường	BM CĐHA
10	Lê Trọng Bình	BM CĐHA
11	Ngô Đắc Hồng Ân	BM CĐHA
12	Nguyễn Thảo Vân	BM CĐHA
13	Trần Hồng Phương Dung	BM CĐHA
14	Văn Nữ Thùy Linh	BM CĐHA
15	Hoàng Trung Hiếu	BM CĐHA
16	Đặng Cẩm Nhung	BM CĐHA
17	Đặng Quang Hùng	BM CĐHA

STT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn
18	Tôn Thất Nam Anh	BM CDHA
19	Nguyễn Thanh Thảo	BM CDHA
20	Lê Phan Tường Quỳnh	BM Di truyền y học
21	Lê Tuấn Linh	BM Di truyền y học
22	Hà Thị Minh Thi	BM Di truyền y học
23	Đoàn Thị Duyên Anh	BM Di truyền y học
24	Trần Văn Hòa	BM Dược lý
25	Lê Chuyển	BM Dược lý
26	Nguyễn Thành Tín	BM Dược lý
27	Nguyễn Lê Hồng Vân	BM Dược lý
28	Đỗ Thị Hồng Diệp	BM Dược lý
29	Trần Vũ Huân	BM GMHS&CC
30	Phan Thắng	BM GMHS&CC
31	Bùi Thị Thương	BM GMHS&CC
32	Võ Việt Hà	BM GMHS&CC
33	Trần Xuân Thịnh	BM GMHS&CC
34	Bùi Thị Thuý Nga	BM GMHS&CC
35	Lê Văn Long	BM GMHS&CC
36	Nguyễn Khánh Huy	BM GMHS&CC
37	Trần Thị Thu Lành	BM GMHS&CC
38	Phạm Thị Minh Thư	BM GMHS&CC
39	Lê Văn Tâm	BM GMHS&CC
40	Nguyễn Văn Minh	BM GMHS&CC
41	Nguyễn Hữu Trí	BM GP-PTTH
42	Nguyễn Bá Lưu	BM GP-PTTH
43	Nguyễn Thành Phúc	BM GP-PTTH
44	Nguyễn Hoàng	BM GP-PTTH
45	Nguyễn Thị Hồng Thuý	BM Hóa sinh
46	Phạm Thăng Long	BM Hóa sinh
47	Nguyễn Minh Quang	BM Hóa sinh
48	Phù Thị Hoa	BM Hóa sinh
49	Phan Thị Minh Tâm	BM Hóa sinh
50	Trần Thị Tiên Xinh	BM Hóa sinh
51	Nguyễn Thị Huyền	BM Miễn dịch-SLB
52	Lê Đăng Võ	BM Miễn dịch-SLB
53	Lê Bá Hứa	BM Miễn dịch-SLB
54	Phan Thị Minh Phương	BM Miễn dịch-SLB
55	Phan Thị Hằng Giang	BM Miễn dịch-SLB
56	Trần Thanh Loan	BM Miễn dịch-SLB
57	Phan Ngọc Đan Thanh	BM Miễn dịch-SLB

STT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn
58	Nguyễn Văn Mão	BM Mô phôi, GPB&PY
59	Trần Nam Đông	BM Mô phôi, GPB&PY
60	Nguyễn Phạm Phước Toàn	BM Mô phôi, GPB&PY
61	Nguyễn Trần Bảo Song	BM Mô phôi, GPB&PY
62	Nguyễn Phương Thảo Tiên	BM Mô phôi, GPB&PY
63	Nguyễn Thị Thuỳ Uyên	BM Mô phôi, GPB&PY
64	Võ Thị Hạnh Thảo	BM Mô phôi, GPB&PY
65	Trần Thị Nam Phương	BM Mô phôi, GPB&PY
66	Lê Thị Thu Thảo	BM Mô phôi, GPB&PY
67	Đặng Công Thuận	BM Mô phôi, GPB&PY
68	Nguyễn Anh Vũ	BM Nội
69	Hoàng Việt Thắng	BM Nội
70	Trần Văn Huy	BM Nội
71	Hoàng Anh Tiến	BM Nội
72	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	BM Nội
73	Lê Thị Hồng Vân	BM Nội
74	Võ Thị Hoài Hương	BM Nội
75	Phan Thị Thùy Vân	BM Nội
76	Nguyễn Thị Ý Nhi	BM Nội
77	Lê Thị Bích Thuận	BM Nội
78	Hoàng Khánh	BM Nội
79	Nguyễn Hải Thủy	BM Nội
80	Văn Thị Minh An	BM Nội
81	Huỳnh Văn Minh	BM Nội
82	Võ Tam	BM Nội
83	Lê Văn Chi	BM Nội
84	Hoàng Bùi Bảo	BM Nội
85	Nguyễn Đình Toàn	BM Nội
86	Trương Xuân Long	BM Nội
87	Nguyễn Duy Dẫn	BM Nội
88	Phạm Minh Trãi	BM Nội
89	Lê Phước Hoàng	BM Nội
90	Đoàn Phạm Phước Long	BM Nội
91	Nguyễn Xuân Nhân	BM Nội
92	Hồ Ngọc Tiến Đạt	BM Nội
93	Trần Duy Khiêm	BM Nội
94	Lê Thanh Minh Triết	BM Nội
95	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	BM Nội
96	Đoàn Thị Thiện Hảo	BM Nội
97	Trần Thị Kim Anh	BM Nội

STT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn
98	Hoàng Ngọc Diệu Trâm	BM Nội
99	Trần Thanh Tùng	BM Nội
100	Lương Việt Thắng	BM Nội
101	Vĩnh Khánh	BM Nội
102	Trần Đức Hoàng	BM Ngoại
103	Lê Hồng Phúc	BM Ngoại
104	Lê Quang Thửu	BM Ngoại
105	Lê Nghi Thành Nhân	BM Ngoại
106	Trần Nhật Tiến	BM Ngoại
107	Phan Đình Tuấn Dũng	BM Ngoại
108	Nguyễn Thị Thuý Hằng	BM Sinh lý
109	Phan Trung Nam	BM Sinh lý
110	Bùi Mạnh Hùng	BM Sinh lý
111	Nguyễn Hải Quý Trâm	BM Sinh lý
112	Nguyễn Thị Hiếu Dung	BM Sinh lý
113	Hoàng Thị Mai Thanh	BM Sinh lý
114	Phùng Phương	BM Ung bướu
115	Nguyễn Văn Cầu	BM Ung bướu
116	Nguyễn Trần Thúc Huân	BM Ung bướu
117	Hồ Xuân Dũng	BM Ung bướu
118	Lê Thanh Huy	BM Ung bướu
119	Hoàng Hữu	BM Ung bướu
120	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	BM Ung bướu
121	Nguyễn Thị Thủy	BM Ung bướu
122	Hà Thanh Thanh	BM Ung bướu
123	Nguyễn Minh Hoa	Khoa Cơ bản
124	Nguyễn Đức Tùng	Khoa Cơ bản
125	Đỗ Quang Tâm	Khoa Cơ bản
126	Nguyễn Ngọc Huy	Khoa Cơ bản
127	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ bản
128	Nguyễn Quang Mẫn	Khoa Cơ bản
129	Huỳnh Minh Sơn	Khoa Cơ bản
130	Nguyễn Vĩnh Phú	Khoa Cơ bản
131	Võ Thị Tuyết Vi	Khoa Cơ bản
132	Ngô Thị Thuận	Khoa Cơ bản
133	Nguyễn Trường Sơn	Khoa Điều dưỡng
134	Võ Thanh Tôn	Khoa Điều dưỡng
135	Mai Bá Hải	Khoa Điều dưỡng
136	Đào Nguyễn Diệu Trang	Khoa Điều dưỡng
137	Dương Thị Ngọc Lan	Khoa Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn
138	Hồ Thị Thùy Trang	Khoa Điều dưỡng
139	Tôn Nữ Minh Đức	Khoa Điều dưỡng
140	Đặng Thị Thanh Phúc	Khoa Điều dưỡng
141	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Khoa Điều dưỡng
142	Võ Thị Nhi	Khoa Điều dưỡng
143	Phạm Thị Thúy Vũ	Khoa Điều dưỡng
144	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa Điều dưỡng
145	Nguyễn Thanh Gia	Khoa YTCC
146	Nguyễn Thị Hương	Khoa YTCC
147	Trần Thị Táo	Khoa YTCC
148	Nguyễn Đình Minh Mẫn	Khoa YTCC
149	Trần Đại Tri Hân	Khoa YTCC
150	Đặng Cao Khoa	Khoa YTCC
151	Võ Minh Hoàng	Khoa YTCC
152	Đoàn Vương Diễm Khánh	Khoa YTCC
153	Hoàng Thị Bạch Yến	Khoa YTCC
154	Đặng Thị Anh Thư	Khoa YTCC
155	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Khoa YTCC
156	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	Khoa YTCC
157	Võ Nữ Hồng Đức	Khoa YTCC
158	Bùi Thị Phương Anh	Khoa YTCC
159	Nguyễn Thị Đăng Thư	Khoa YTCC
160	Nguyễn Văn Hùng	Khoa YTCC